



**Phụ lục 1.1 : BIỂU TỔNG HỢP CHUNG VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

Ngày tổng hợp 31/5/2026

I	Giáo viên/Nhân viên	Đơn vị tính	Tổng số			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng số	Nữ
1	Số trường	trường		x	x	x
2	Số lớp	lớp	26	x	x	x
3	Số CBQL	người	4	1		
3	Số giáo viên (tính cả giáo viên phụ trách đội)	người	36	33	3	3
4.1	<b>Giáo viên bộ môn</b>		23	21	2	2
	+ Giáo viên tiểu học	người	20	19	2	2
	+ Giáo dục thể chất	người	1			
	+ Âm nhạc	người	1	1		
	+ Mỹ thuật	người	1	1		
3.2	<b>Giáo viên theo trình độ đào tạo</b>		36	33	3	3
	+ Trung cấp	người				
	+ Cao đẳng	người	2	1		
	+ Đại học	người	34	32	3	3
	+ Thạc sĩ	người				
	+ Tiến sĩ, TSKH	người				
	+ Khác	người				
3.3	<b>Giáo viên dạy giỏi</b>		5	5		
	+ Cấp trường	người	2	2		
	+ Cấp huyện	người	2	2		
	+ Cấp tỉnh	người	1	1		
	+ Cấp toàn quốc	người				
3.4	<b>Giáo viên chủ nhiệm giỏi</b>		2	2	1	1
	+ Cấp trường	người	1	1		
	+ Cấp huyện	người	1	1	1	1
	+ Cấp tỉnh	người				
	+ Cấp toàn quốc	người				



**Phụ lục 1.2 BIỂU TỔNG HỢP CHUNG VỀ GIÁO VIÊN THCS**

Ngày Tổng hợp 31/5/2026

I	Giáo viên/nhân viên	Đơn vị tính	Tổng số			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng số	Nữ
<b>1</b>	<b>Số trường</b>	trường		x	x	x
<b>2</b>	<b>Số lớp</b>	lớp	46	x	x	x
<b>3</b>	<b>Số giáo viên (tính cả giáo viên phụ trách đội)</b>	người	45	32	1	
<b>3.1</b>	<b>Chia theo độ tuổi</b>		45	<b>32</b>	1	
	+ Dưới 31 tuổi	người	15	<b>14</b>		
	+ Từ 31 - 35 tuổi	người	15	<b>10</b>		
	+ Từ 36 - 40 tuổi	người	6	<b>3</b>	1	
	+ Từ 41 - 45 tuổi	người	5	<b>2</b>		
	+ Từ 46 - 50 tuổi	người	4	<b>3</b>		
	+ Từ 51 - 55 tuổi	người				
	+ Từ 56 - 60 tuổi	người				
	+ Khác	người				
<b>3.2</b>	<b>Giáo viên bộ môn</b>	người	45	32	1	
	+ Ngữ văn	người	9	9		
	+ Toán	người	8	6		
	+ Ngoại ngữ		7	6		
	- Anh	người	7	6		
	- Pháp	người				
	- Trung	người				
	- Hàn	người				
	- Nhật	người				
	- Khác	người				
	+ Giáo dục thể chất	người	3			
	+ Lịch sử	người	2	1		
	+ Địa lý	người	1			
	+ Giáo dục công dân	người	2	1		
	+ Vật lý	người	1	1		
	+ Hóa học	người	2	2		
	+ Sinh học	người	2	1	1	
	+ Công nghệ	người				
	+ Tin học	người	3	2		
	+ Âm nhạc	người	2	1		
	+ Mỹ thuật	người				
<b>3.2</b>	<b>Giáo viên theo trình độ đào tạo</b>		45	32	1	
	+ Cao đẳng	người	1			
	+ Đại học	người	43	32	1	
	+ Thạc sĩ	người	1			
	+ Tiến sĩ , TSKH	người				
	+ Khác	người				
<b>3.4</b>	<b>Giáo viên dạy giỏi</b>		5	5		



Phụ lục 1.3 BIỂU TỔNG HỢP CHUNG VỀ GIÁO VIÊN THPT

Ngày tổng hợp 31/5/2026

1	Giáo viên/Nhân viên	Đơn vị tính	Tổng số			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng số	Nữ
1	Số trường	trường	1	x	x	x
2	Số lớp	lớp	74	x	x	x
3	Cán bộ quản lý	người	4	1		
4	Số giáo viên	người	105	55		
4.1	<b>Chia theo độ tuổi</b>		105	55		
	+ Dưới 31 tuổi	người	26	17		
	+ Từ 31 - 35 tuổi	người	26	13		
	+ Từ 36 - 40 tuổi	người	20	9		
	+ Từ 41 - 45 tuổi	người	26	11		
	+ Từ 46 - 50 tuổi	người	4	3		
	+ Từ 51 - 55 tuổi	người				
	+ Từ 56 - 60 tuổi	người	2	1		
	+ Khác	người	1	1		
4.2	<b>Giáo viên theo trình độ đào tạo</b>		105	55		
	+ Trung cấp	người				
	+ Cao đẳng	người				
	+ Đại học	người	84	41		
	+ Thạc sĩ	người	21	14		
	+ Tiến sĩ , TSKH	người				
	+ Khác	người				
4.3	<b>Giáo viên bộ môn</b>	người				
	+ Ngữ văn	người	17	14		
	+ Toán	người	19	7		
	+ Ngoại ngữ	người	16	12		
	- Anh	người	16	12		
	+ Giáo dục thể chất	người	8			
	+ GDQP&AN	người	2			
	+ Lịch sử	người	6	3		
	+ Địa lý	người	4	3		
	+ Giáo dục công dân	người	2	2		
	+ Vật lý	người	11	4		
	+Hóa học	người	7	3		
	+ Sinh học	người	3	2		
	+ Công nghệ	người				
	+ Tin học	người	4	1		
3.6	<b>Giáo viên dạy giỏi</b>					
	+ Cấp trường	người	5	2		
	+ Cấp huyện	người				
	+ Cấp tỉnh	người	2	1		
	+ Cấp toàn quốc	người				
3.7	<b>Giáo viên chủ nhiệm giỏi</b>					
	+ Cấp trường	người	2	1		
	+ Cấp huyện	người				
	+ Cấp tỉnh	người				
	+ Cấp toàn quốc	người				
4	<b>Nhân viên</b>	người				
	+ Văn thư	người	4	1		
	+ Kế toán	người	5	4		
	+ Y tế	người	4	1		
	+ Thủ quỹ	người	1	1		
	+ Thư viện	người	1	1		
	+ Thiết bị thí nghiệm	người	3			
	+ Công nghệ thông tin	người	2			
	+ Hỗ trợ khuyết tật	người				
	+ Giáo vụ	người	1			
	+ Khác	người	4			